

Bản án số: **46/2021/HS-PT**  
Ngày 25/5/2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Tự Sinh

*Các Thẩm phán:* Ông Đặng Văn Mạnh  
Ông Trần Minh Long

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo Lê Thị H do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2020/HSST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

**- Bị cáo kháng cáo: Lê Thị H;** sinh năm 1986, tại Thanh Hóa; nơi đăng ký HKTT: Xóm x, xã H, huyện H, tỉnh N; chỗ ở: K3xx/xx đường H, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Nhân viên tín dụng; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Tiến T và bà Đặng Thị H; có chồng là Lê Văn T và có 03 con: con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh tháng 2 năm 2021; Tiền án, tiền sự: Chưa; bị cáo hiện đang tại ngoại; có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị H là nhân viên tín dụng của Công ty tài chính S. Vào khoảng giữa tháng 5 đến tháng 7 năm 2019 trên địa bàn quận T, TP Đà Nẵng, Lê Thị H đã làm giả Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ủy ban nhân dân quận T, TP Đà

Năng và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ủy ban nhân dân quận N, TP Đà Nẵng nhằm hợp thức hồ sơ vay vốn của khách hàng. Cụ thể:

Lần 1: Khoảng giữa tháng 5 năm 2019, chị Trần Thị Bích H2 có nhu cầu vay vốn ngân hàng 100.000.000đ để tiêu dùng cá nhân. Thông qua bạn là Lê Thị Kim K giới thiệu nên H2 quen biết Lê Thị Kim L làm môi giới dịch vụ với ngân hàng cho vay vốn nên H2 đặt vay tiền. L nói có thể làm cho H2 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lùi thời gian kinh doanh trên 01 năm đảm bảo H2 vay được tiền và H2 phải trả phí dịch vụ là 5% trên tổng số tiền vay được, thì H2 đồng ý.

Sau đó, L liên lạc với Lê Thị H để hỏi về thủ tục vay và H đồng ý làm giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho H2, L chụp ảnh chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu của H2 gửi qua zalo cho H, rồi H dùng thông tin này nhờ Phạm Thị T làm giả giấy phép kinh doanh cho Trần Thị Bích H2 với chi phí 500.000đ/ 01 giấy để lập hồ sơ cho H2 được vay số tiền lớn và được hưởng mức lãi suất thấp của ngân hàng là 38%/01 năm.

Hai ngày sau, H điện thoại cho L đến ngã tư đường L - Đ và đưa cho L 01 Giấy chứng nhận đăng lý kinh doanh số 32B8019746 của UBND quận T, TP Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 15-02-2017 do ông Nguyễn Thanh X – Phó Chủ tịch UBND quận T, TP Đà Nẵng ký, rồi L đem về đưa cho H2 và nói giấy này lùi lại thời gian kinh doanh năm 2017. Ngày hôm sau, H xuống địa chỉ kinh doanh số 1xx/7x đường C, quận T, TP Đà Nẵng gặp H2 chụp hình thẩm định điều kiện vay vốn và lập hồ sơ vay vốn cho H2 Ký. Do H2 muốn vay trên 100.000.000đ nhưng SHB Finance chỉ cho vay tối đa là 70.000.000đ đối với 01 hộ kinh doanh có giấy phép từ 2 năm trở lên, nên H đã điện thoại cho chồng là anh Lê Văn T là nhân viên Công ty tài chính M – Văn phòng đại diện tại Đà Nẵng nói có khách hàng đầy đủ các giấy tờ thủ tục có nhu cầu vay 40.000.000đ thì anh T đồng ý hỗ trợ để cho H2 vay thêm bên M.

Ba ngày sau, H điện thoại cho H2 báo đã được vay tổng số tiền 84.400.000đ (gồm: S cho vay 52.750.000đ và M cho vay 31.650.000đ). Sau khi H2 nhận được tiền, H báo cho L và yêu cầu L gặp chị H2 thu hồi lại giấy chứng nhận kinh doanh trên với lý do giấy này chỉ phục vụ cho việc vay vốn ngân hàng. H để L gặp H2 lấy 5.000.000đ (bao gồm phí làm giấy phép kinh doanh và phí dịch vụ); số tiền này L được 1.500.000đ (là tiền môi giới dịch vụ hồ sơ); H được 3.500.000đ. Trong lúc nhận tiền từ H2, L có nói H2 trả lại giấy phép kinh doanh cho H, nhưng H2 nói “H2 đã trả phí làm giấy phép thì có quyền sử dụng” nên H2 không đồng ý trả.

Đến khoảng 14 giờ 00', ngày 07-10-2019, do H2 có nhu cầu mua xe ô tô trả góp nên đã đem Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 32B8019746 đến UBND phường T, quận T, TP Đà Nẵng để chứng thực sao y bản chính thì chị Hoàng Thị L2 (là cán bộ tư pháp phường T) nghi ngờ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trên là giả nên chị L2 liên hệ phòng Tài chính – Kế hoạch UBND quận T, TP Đà Nẵng để kiểm tra, phát hiện chị H2 không được cấp giấy kinh doanh trên nên đã đến cơ quan Công an phường T, quận T, TP Đà Nẵng trình báo sự việc.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, Trần Thị Bích H2 luôn trả nợ gốc và lãi hàng tháng đầy đủ nên phía S và M chưa bị thiệt hại gì và không có ý kiến về khoản vay trên.

\* Bản kết luận giám định số 1133/C09C (D96) ngày 02-12-2019 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng xác định:

Bản in Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh cá thể số 32B8019746 cần giám định (ký hiệu A) với bản in Giấy mẫu chứng nhận đăng ký kinh doanh cá thể do Phòng Tài Chính – Kế hoạch quận Thanh Khê cung cấp ký hiệu M1 là không phải do cùng một bản in ra.

Hình dấu tròn mang tên “UBND QUẬN T TP. ĐÀ NẴNG” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) là hình dấu được in ra, không phải hình đóng ra trực tiếp.

Chữ ký mang tên Nguyễn Thanh X dưới mục “KT/CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) là chữ ký được ký ra trực tiếp.

Chữ ký mang tên Nguyễn Thanh X dưới mục “KT/CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH” trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A) với chữ ký của ông Nguyễn Thanh X trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M2) là không phải do cùng một người ký ra.

\* Bản kết luận giám định số 37/GĐ-TL ngày 17-04-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng xác định:

Hình dấu có nội dung “U.B.N.D PHƯỜNG V – Q.T – TP. ĐÀ NẴNG” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A không phải do con dấu có hình dấu mẫu cùng nội dung trên các tài liệu cần giám định ký hiệu M1 đến M5 đóng ra.

Chữ ký mang tên Nguyễn Minh T trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Nguyễn Minh T trên các tài liệu mẫu ký hiệu từ M1 đến M5 không phải do cùng người ký ra.

\* Tại Công văn số 219/KTHS – D92 ngày 12-06-2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng trả lời về việc mẫu cần giám định là tài liệu

photocopy thì không nhận giám định chữ viết, chữ ký, hình dấu sao chụp (photocop; fax, ảnh...).

Lần 2: Vào khoảng giữa tháng 6 năm 2019, H làm hồ sơ vay cho ông Trần Văn H3. Do ông H3 có kinh doanh quán cơm tại số 49 đường H, quận T, TP Đà Nẵng nhưng không có giấy phép kinh doanh nên H yêu cầu ông H3 cung cấp chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và ký vào giấy đề nghị vay vốn để H làm hồ sơ vay. Sau đó, H thuê Phạm Thị T làm giả cho ông H3 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 32B8002168 của UBND quận T, TP Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 27-5-2016 do ông Nguyễn Thanh X – Phó chủ tịch UBND quận T, thành phố Đà Nẵng ký để hợp thức vào hồ sơ vay vốn ở S. Tuy nhiên, đến ngày 11/6/2019, S thông báo trên hệ thống hồ sơ ông H3 không được duyệt vay.

Lần 3: Vào khoảng giữa tháng 7 năm 2019, H làm hồ sơ vay cho ông Tăng B. Do ông B kinh doanh dịch vụ ăn uống tại số nhà 7x đường P, phường M, quận N, TP Đà Nẵng cần vay vốn để mở rộng kinh doanh nhưng không có giấy phép kinh doanh. Nên H làm giấy phép kinh doanh cho ông B để vay với mức lãi suất thấp và yêu cầu ông B đưa giấy chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và ký vào giấy đề nghị vay vốn để H làm hồ sơ. Sau đó, H thuê Phạm Thị T làm giả cho ông B Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 32D8015493 của UBND quận N, TP Đà Nẵng cấp, đăng ký lần đầu ngày 18-7-2016 do ông Huỳnh C - Phó Chủ tịch UBND quận N, TP Đà Nẵng ký để hợp thức vào hồ sơ vay vốn ở S. Tuy nhiên, đến ngày 22-7-2019, S thông báo trên hệ thống hồ sơ ông B không được duyệt vay.

Kết quả điều tra S cung cấp 02 bản photo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã làm giả nói trên.

Tại công văn số 87/PTCHK ngày 04-6-2020 của Phòng tài chính kế hoạch quận N trả lời không cấp Sổ giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 32D8015493 cho ông Tăng B.

Tại công văn số 312/PTCKH-ĐKKD ngày 19-6-2020 của Phòng tài chính kế hoạch quận T trả lời không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 32B8002168 cấp cho ông Trần Văn H.

Mặc dù, H đã hủy 02 giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đã làm giả nói trên và cơ quan được trưng cầu giám định là phòng kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Đà Nẵng từ chối giám định tài liệu photocopy. Tuy nhiên căn cứ vào hồ sơ đề nghị vay vốn của ông Tăng B và ông Trần Văn H do S cung cấp có giấy chứng nhận hộ kinh doanh số 32D8015493 và giấy chứng nhận đăng ký

kinh doanh hộ kinh doanh cá thể số 32B8002168 (tài liệu photo); nội dung trả lời tại Công văn số 87 ngày 04/6/2020 và Công văn số 312 ngày 19/06/2020; lời khai nhận tội của Lê Thị H. Do đó, đủ căn cứ kết luận Lê Thị H đã có hành vi làm giả 02 loại giấy tờ trên.

Ngoài ra, Lê Thị H còn khai nhận:

Vào khoảng giữa tháng 06/2019, H còn tư vấn cho chị Bùi Thị Bích H2 vay vốn ở ngân hàng S dưới hình thức mở thẻ tín dụng.

Do chị H2 mở tiệm uốn tóc nhưng không có giấy xác nhận kinh doanh, nên đã photo sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân đưa cho H. H đồng ý giúp chị H2 làm giấy xác nhận kinh doanh đảm bảo chị H2 được vay tiền. H đánh máy sẵn giấy xác nhận kinh doanh ghi thời điểm ngày 01/06/2013 đưa cho chị H2 ký rồi thuê Phạm Thị T đi làm với giá 300.000 đồng vì cho rằng T quen biết người có thẩm quyền nên sẽ nhờ ký được giấy xác nhận thật. Sau đó, T đưa lại cho H giấy xác nhận kinh doanh mã số BM05/QĐ – QTTR/08 mang tên Bùi Thị Bích H2 do ông Nguyễn Minh T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường V, quận T, TP Đà Nẵng ký xác nhận ngày 24/06/2019. Sau khi nhận giấy xác nhận kinh doanh từ T, H đưa cho chị H2. Đến ngày 25/06/2019, chị H2 đi mở thẻ tín dụng tại ngân hàng S chi nhánh T, TP Đà Nẵng thì nhân viên ngân hàng yêu cầu cung cấp chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và thẻ bảo hiểm y tế cho nhân viên ngân hàng mà không cung cấp giấy xác nhận kinh doanh.

Đến ngày 27/06/2019, chị H2 mang giấy xác nhận kinh doanh đến Ủy ban nhân dân phường V, quận T, TP Đà Nẵng để sao y bản chính, mục đích để sau này sử dụng thì cán bộ phường V, quận T, TP Đà Nẵng phát hiện và báo cơ quan chức năng để xử lý.

Kết quả điều tra xác định, Bùi Thị Bích H2 và Lê Thị H đều không biết việc Phạm Thị T làm giả giấy xác nhận kinh doanh mã số BM05/QĐ-QTTR/08 mang tên Bùi Thị Bích H2 và H2 chưa thực hiện hành vi trái pháp luật. Do đó, không đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Lê Thị H và Bùi Thị Bích H2 đối với lần làm giả con dấu, tài liệu này.

Ngoài ra, công ty tài chính S có cung cấp 81 hồ sơ lưu (bản photocopy) của các khách hàng đã được Lê Thị H tư vấn vay vốn tại ngân hàng trong thời gian H làm việc tại đây. Kết quả điều tra xác định:

- 03 hồ sơ của Trần Thị Bích H2, Tăng B và Trần Văn H đã đề cập xử lý nêu trên.

- 03 hồ sơ khách hàng có Giấy đăng ký kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền cấp, 01 hồ sơ vay không có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê không đề cập xử lý.

- 02 hồ sơ vay có Giấy đăng ký kinh doanh (bản photocopy) nhưng không phải do cơ quan có thẩm quyền cấp. Trong đó, cơ quan điều tra đã làm việc chỉ Trần Thị Diễm C và chị Trần Thị P, nhưng chị C không biết giấy đăng ký kinh doanh là giả và chị P không biết có giấy phép kinh doanh trong hồ sơ vay vốn.

- 72 hồ sơ vay là tài liệu photocopy, do H không thừa nhận đã làm và khai không trực tiếp làm hồ sơ vay. Cơ quan được trưng cầu giám định là Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP Đà Nẵng từ chối giám định tài liệu photocopy; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Thanh Khê TP Đà Nẵng đã xác định và có Công văn gửi đến các cơ quan có thẩm quyền để xác minh nhưng đến nay chưa có kết quả. Do đó, chưa đủ căn cứ xác định các tài liệu photocopy là giả. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an quận Thanh Khê TP Đà Nẵng tách vụ việc tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Tại bản án sơ thẩm số 20/2021/HSST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị H phạm tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 341, điểm n, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Lê Thị H 15 (Mười lăm) tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời gian chấp hành án tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí; thông báo quyền kháng cáo bản án và kiến nghị đối với Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng xem xét việc không khởi tố Lê Thị Kim L về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 08/02/2021 bị cáo Lê Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Lê Thị H theo đúng trình tự thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Xét về nội dung đơn kháng cáo của bị cáo thì thấy rằng Bản án hình sự sơ thẩm số 20/2021/HSST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b, c khoản 2 Điều 341 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và xử phạt bị cáo mức án 15 tháng tù giam là phù hợp. Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo kháng cáo nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, do đó đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo Lê Thị H xác định Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” là đúng. Bị cáo xin HĐXX cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Thị H đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ giữa tháng 5 đến giữa tháng 7 năm 2019, trên địa bàn quận T, thành phố Đà Nẵng, Lê Thị H là nhân viên tín dụng đã làm giả con dấu và tài liệu là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ủy ban nhân dân quận T và Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Hộ kinh doanh cá thể số 32B8019746 cho chị Trần Thị Bích H2 để hợp thức hóa hồ sơ vay vốn có lãi suất thấp với tổng số tiền là 84.400.000đ (gồm S cho vay 52.750.000đ và M cho vay 31.650.000đ)

- Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh cá thể số 32B8002168 cho ông Trần Văn H3 nhưng không được duyệt cho vay.

- Giấy chứng nhận đăng ký Hộ kinh doanh số 32B8015493 cho ông Tăng B nhưng không được duyệt cho vay.

Do đó Bản án sơ thẩm số 20/2021/HSST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Xét bị cáo Lê Thị H 03 lần làm giả con dấu và tài liệu là 03 giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Ủy ban nhân dân quận T và Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Đà Nẵng, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng tình tiết “phạm tội 02 lần trở lên”, “làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu” được quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo là hoàn toàn đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến hoạt động đúng đắn bình thường của các cơ quan Nhà nước, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần. Do vậy đối với bị cáo cần phải xử phạt nghiêm, cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng và xử phạt bị cáo mức án 15 tháng tù giam là đã dưới mức khởi điểm của khung hình phạt. Vì vậy HĐXX không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm như quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí: Bị cáo Lê Thị H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của BLTTHS;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm n, r, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Lê Thị H **15 (Mười lăm)** tháng tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

**2.** Về án phí: Bị cáo Lê Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

**3.** Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV-CATP Đà Nẵng (PV 27);
- Vụ GKKT – Vụ 1;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Công an quận Thanh Khê;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Tự Sinh**